

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

Căn cứ phụ lục III - Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

Căn cứ Báo cáo kết quả nhập liệu hoàn chỉnh của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh trên Cổng thông tin HEMIS: “Hệ thống Cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tại website: hemis.moet.gov.vn

I. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

- Tên trường: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh thành phố Hồ Chí Minh
- Mã trường: DSD
- Địa chỉ duy nhất ở: 125 Công Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Website: www.skdahcm.edu.vn
- Fanpage: <https://www.facebook.com/skdahcm2018>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (028) 38393658
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:
Đường link công khai: <https://hemis-cms.moet.gov.vn/hocvien/hv-thong-tin-viec-lam>
- Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:
 - Tuyển sinh 2021: <http://skdahcm.edu.vn/?p=3402>
 - Tuyển sinh 2022: <http://skdahcm.edu.vn/?p=3557>
- 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: thi tuyển
- 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

STT	Lĩnh vực *	Nhóm ngành *	Mã ngành học *	Phương thức XT	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
					Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1	Nghệ thuật	72102	7210227	406	15	23	20.5	12	16	26
2	Nghệ thuật	72102	7210234	406	100	87	21	42	43	21
3	Nghệ thuật	72102	7210235	406	45	69	19	24	28	28.5
4	Nghệ thuật	72102	7210236	406	19	26	21	15	17	19

9. Danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai: <http://skdahcm.edu.vn/?p=3584>

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành	Ngày QĐ mở ngành	Số văn bản chuyên đổi mã	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Năm bắt đầu đào	Năm TS & ĐT gần
-----	----------	-----------	----------------	------------------	--------------------------	---------------------------------	-----------------	-----------------

					hoặc tên ngành	chuyển đổi mã hoặc tên ngành	tạo	nhất
1	7210227	Đạo diễn sân khấu	821/QĐ-BGDĐT	27/02/2012	809/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	2012	2021
2	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	1075/QĐ-BGDĐT	04/04/2016	809/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	2016	2021
3	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	821/QĐ-BGDĐT	27/02/2012	809/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	2012	2021
4	7210236	Quay phim	1075/QĐ-BGDĐT	04/04/2016	809/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	2016	2021

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng: (mẫu số 03)

10.1. Quy mô đào tạo chính quy (Tính đến 31/12/2022)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC	0	
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		
B	ĐẠI HỌC	642	
3	Đại học chính quy	552	
3.1	Chính quy	552	
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Nghệ thuật	552	
3.1.2.1.1	Đạo diễn sân khấu	7210227	75
3.1.2.1.2	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	257
3.1.2.1.3	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	153
3.1.2.1.4	Quay phim	7210236	67
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	Đại học vừa làm vừa học	90	

4.1	Vừa làm vừa học	90	
4.1.1	Nghệ thuật	90	
4.1.1.1	Đạo diễn sân khấu	7210227	25
4.1.1.2	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	65
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

- Tổng diện tích đất của trường: 11,648 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 3

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: $3306,4/642 = 5.1 \text{ m}^2$

STT	Phòng học, phòng chức năng	Mã số	Tổng số	
			Phòng	Diện tích (m ²)
	A	B	1	2
	Phòng học	165	32	3306,4
	Chia ra			
1	- Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	166	1	450
2	- Phòng học từ 50 chỗ đến 200 chỗ	167	8	1460
3	- Phòng học dưới 50 chỗ	168	23	1396,4
	Trong đó:			
4	- Phòng học máy tính	169	1	96
5	- Phòng học ngoại ngữ	170	0	0
6	- Phòng học nhạc, họa	171	0	0
7	- Phòng học đa năng	172	0	0
8	- Phòng học khác	173	31	3210,4
	Phòng chức năng		0	342
9	- Thư viện/Trung tâm học liệu	174	0	342
10	- Phòng thí nghiệm	175	0	0
11	- Xưởng, phòng thực hành	176	0	0
12	- Nhà tập đa năng	177	0	0
13	- Nhà hiệu bộ (nhà làm việc)	178	0	0
	Diện tích khác:		3	1004
14	- Ký túc xá/ khu nội trú	179	3	1004
15	- Bể bơi	180	0	0
16	- Sân vận động	181	0	0

10.3. Danh sách giảng viên

10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành đại học
1	Bùi Thanh Huyền		Thạc sĩ	Văn hóa học	Môn chung
2	Cao Tấn Lộc		Thạc sĩ	Lý luận, LS PB ĐATH	DVKĐATH
3	Đặng Việt Hà		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình, hội họa	ĐDDATH
4	Đỗ Thị Hồng		Thạc sĩ	Nghệ thuật ĐATH	ĐDDATH
5	Đoàn Nhật Cường		Đại học	Mỹ thuật	ĐDDATH
6	Đoàn Thị Dung		Đại học	Nhiếp ảnh	ĐDDATH
7	Đoàn Thị Mộng Huyền		Đại học	Huấn luyện múa	DVKĐATH
8	Hồ Thị Hồng Thắm		Đại học	ĐDDATH	DVKĐATH
9	Hoàng Thị Thu Hằng		Đại học	ĐDSK, Huấn luyện múa	DVKĐATH
10	Huỳnh Hải Long		Đại học	ĐDSK	
11	Lê Nguyên Đạt		Thạc sĩ	Nghệ thuật SK	ĐDSK
12	Lê Phương Mai		Thạc sĩ	Nghệ thuật ĐA	ĐDDATH
13	Lê Thanh Hòa		Đại học	Công nghệ TT	Môn chung
14	Lê Thị Ái Liên		Thạc sĩ	Quản lý GD	ĐDSK
15	Lò Bảo Anh		Đại học	Biên kịch ĐA	ĐDDATH
16	Lý Anh Tâm		Thạc sĩ	LL,LS PB ĐATH	Quay phim
17	Mai Viết Cửu		Đại học	ĐDSK	DVKĐATH
18	Ngô Xuân Thảo		Đại học	VH quần chúng	
19	Nguyễn Đức Thành		Thạc sĩ	LL,LS PB ĐATH	DVKĐATH
20	Nguyễn Hiền Triết		Thạc sĩ	GD thể chất	Môn chung
21	Nguyễn Hòa An		Thạc sĩ	Nghệ thuật SK	ĐDSK
22	Nguyễn Quốc Việt		Đại học	Biên kịch ĐA	ĐDDATH
23	Nguyễn Thanh Đạt		Tiến sĩ	Triết học	Môn chung
24	Nguyễn Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	LL và lịch sử mỹ thuật	ĐDSK
25	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Nghệ thuật âm nhạc	DVKĐATH
26	Ninh Xuân Hiếu		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng anh	Môn chung
27	Phạm Văn Môn		Đại học	Đàn Nguyệt	
28	Phan Nguyên Vĩnh		Thạc sĩ	KT cơ điện tử	Quay phim

29	Phan Nhứt Dũng		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	
30	Phan Thanh Long		Đại học	BD nhạc cụ truyền thống	
31	Phan Thu Hương		Thạc sĩ	LL và PP giảng dạy tiếng anh	Môn chung
32	Trần Đức Bảo Khanh		Đại học	ĐDSK	
33	Trần Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Nghệ thuật SK	DVKĐATH
34	Trần Trọng Trí		Thạc sĩ	Nghệ thuật âm nhạc	
35	Trần Yến Chi	PGS	Tiến sĩ	Nghệ thuật	ĐDSK
36	Trương Văn Thành		Thạc sĩ	Nghệ thuật SK	DVKĐATH
37	Võ Thị Thanh Hà		Đại học	ĐDSK	
38	Vũ Ngọc Thanh	PGS	Tiến sĩ	Nghệ thuật ĐA	ĐDDATH

10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
					Tên ngành đại học
1	Ca Lê Hồng		Thạc sĩ	ĐDSK	DVKĐATH
2	Đặng Lưu Việt Bảo		Đại học	ĐD phim TL	ĐDDATH
3	Đào Anh Dũng		Đại học	ĐDDA	ĐDDATH
4	Đình Ngọc Tuấn		Đại học	CNTT	Quay phim
5	Đỗ Cao Trí		Thạc sĩ	KTCT	Môn chung
6	Đoàn Văn Re		Thạc sĩ	CNXHKH	Môn chung
7	Dương Đức Lâm		Thạc sĩ	QPĐA	Quay phim
8	Giang Mạnh Hà		Đại học	ĐDSK	DVKĐATH
9	Hồ Văn Thành		Thạc sĩ	QL văn hóa	ĐDDATH
10	Huỳnh Tuấn Linh		Thạc sĩ	Triết học	Môn chung
11	Lê Chí Dũng			ĐDDA	ĐDDATH
12	Lê Đan Tú		Thạc sĩ	NT âm nhạc sáng tác	DVKĐATH
13	Lê Khắc Hoài Nam		Đại học	ĐDDA	ĐDDATH
14	Lê Thị Minh Thư		Thạc sĩ	Luật	Môn chung
15	Ngô Phạm Hạnh Thúy		Đại học	ĐDDA	DVKĐATH
16	Ngô Quang Trí		Thạc sĩ	LL,LS PB ĐATH	Quay phim
17	Nguyễn Bảo Hòa		Thạc sĩ	ĐDSK	DVKĐATH
18	Nguyễn Cao Thanh		Tiến sĩ	Triết học	ĐDDATH

19	Nguyễn Hoàng Xuân Hương		Thạc sĩ	Tâm lý học	Môn chung
20	Nguyễn Quốc Hưng		Thạc sĩ	ĐDDA	ĐDDATH
21	Nguyễn Quốc Thành		Đại học	Quay phim	Quay phim
22	Nguyễn Thị Bích Phượng		Thạc sĩ	Nghệ thuật	DVKĐATH
23	Nguyễn Thị Quỳnh		Thạc sĩ	Triết học	Môn chung
24	Nguyễn Thị Thu Hường		Thạc sĩ	LSDCS	Môn chung
25	Nguyễn Tường Phương		Đại học	ĐDDA	ĐDDATH
26	Nguyễn Viên Thông		Thạc sĩ	LL,LS PB ĐATH	DVKĐATH
27	Nguyễn Xuân Phước		Thạc sĩ	LL,LS PB ĐATH	ĐDDATH
28	Phạm Thị Ngọc Trinh		Đại học	ĐDSK	DVKĐATH
29	Phan Bích Thủy		Tiến sĩ	Ngữ văn	Môn chung
30	Phan Ngọc Hạnh		Đại học	ĐDSK	DVKĐATH
31	Phan Thị Bích Hà	PGS	Tiến sĩ	Nghệ thuật	ĐDDATH
32	Phan Văn Cả		Tiến sĩ	Lịch sử	Môn chung
33	Tô Hoàng		Đại học	ĐDDA	ĐDDATH
34	Trần Đình Tư		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới	Môn chung
35	Trần Minh Ngọc		Đại học	ĐDSK	DVKĐATH
36	Trần Ngọc Giàu		Đại học	Chính trị	ĐDSK
37	Trần Văn Đại Lợi		Tiến sĩ	Lịch sử	Môn chung
38	Trịnh Kim Chi		Đại học	ĐDDA	DVKĐATH
39	Đình Quang Trung	PGS	Tiến sĩ	Nghệ thuật	ĐDDA, ĐDSK
40	Đỗ Lệnh Hùng Tú	PGS	Tiến sĩ	Nghệ thuật	ĐDDA

11. Đường link công khai đề án tuyển sinh: skdahcm.edu.vn

12. Đường link công khai quy chế tuyển sinh: skdahcm.edu.vn

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề

- Có đủ sức khoẻ để học tập và các quy định khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: toàn quốc

1.3. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển

- Đạo diễn sân khấu: phân tích (hệ số 2), năng khiếu, văn (điểm học bạ lớp 12 ≥ 5)

- Đạo diễn điện ảnh, truyền hình: phân tích (hệ số 2), năng khiếu, văn (điểm học bạ lớp 12 ≥ 5)

- Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình: năng khiếu (hệ số 2), văn (điểm học bạ lớp 12 ≥ 5)

- Quay phim: phân tích, năng khiếu (hệ số 2), văn (điểm học bạ lớp 12 ≥ 5)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	
							Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đại học	Đạo diễn sân khấu	7210227	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	14	S00	
2	Đại học	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	42	S	
3	Đại học	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	24	S00	

4	Đại học	Quay phim	7210236	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	15	S00	
---	---------	-----------	---------	-----	-----------------------------------------------------------------------	----	-----	--

1.5 Ngưỡng đầu vào:

- Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM là một trường đào tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, các ngành đào tạo đòi hỏi phải có năng khiếu đặc thù nên không nhận đăng ký xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- + Theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo.
- + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào bằng phương thức thi tuyển từ 22 điểm, đây là mức bao gồm cả nhân hệ số và điểm ưu tiên khu vực.
- + Môn Văn lấy điểm học bạ lớp 12 cả năm từ 5 trở lên.

1.6 Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh - Mã trường: DSD

Trường thi tuyển sinh gồm các ngành sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp
1	7210227	Đạo diễn sân khấu	S00: Phân tích - Năng khiếu - Văn (học bạ lớp 12)
2	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	S: Năng khiếu - Văn (học bạ lớp 12)
3	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	S00: Phân tích - Năng khiếu - Văn (học bạ lớp 12)
4	7210236	Quay phim	S00: Phân tích - Năng khiếu - Văn (học bạ lớp 12)

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Thời gian nhận hồ sơ thi tuyển: theo dấu bưu điện từ 03/06 đến 01/07/2023
- Địa điểm và phương thức: tải mẫu hồ sơ trên website của trường, điền đầy đủ thông tin và xác nhận sau đó gửi bưu điện hồ sơ đã xác nhận đến Ban thư ký tuyển sinh Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM - Số 125 Công Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM.
- Thời gian dự kiến tuyển sinh: từ ngày 13/7 đến 19/07/2023 (lich tuyển sinh có thể được thay đổi căn cứ vào số lượng các thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành)
- Thời gian thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng trên cổng thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

- Các điều kiện dự thi:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (gọi chung là tốt nghiệp THPT).

+ Có đủ sức khoẻ để học tập và các quy định khác theo quy chế tuyển sinh năm 2023

+ Ngành diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình: thí sinh dự thi có độ tuổi từ 18 đến 23 tuổi.

- Hình thức thi tuyển:

TT	Ngành	Vòng sơ tuyển	Vòng chung tuyển		
			Môn 1 PHÂN TÍCH	Môn 2 NĂNG KHIẾU	Môn 3 VĂN
Các ngành đào tạo Đại học:					
1	Đạo diễn Điện ảnh, Truyền hình 7210235	Không thi sơ tuyển	Xem phim và viết bài phân tích. <i>(hệ số 2)</i>	- Xem và dựng ảnh liên hoàn theo một chủ đề dựa vào ảnh do Ban Giám khảo cung cấp. - Trả lời các câu hỏi liên quan đến bài thi.	Lấy điểm học bạ lớp 12
2	Đạo diễn Sân khấu 7210227	Không thi sơ tuyển	Xem đĩa tác phẩm sân khấu và viết bài phân tích. <i>(hệ số 2)</i>	- Thí sinh trình bày 01 tiểu phẩm theo chủ đề, tình huống, đạo cụ do Ban Giám khảo quy định (thời gian không quá 10 phút/tiểu phẩm). Thí sinh có thể tham gia hoặc không tham gia diễn. - Trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi.	Lấy điểm học bạ lớp 12
3	Diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình 7210234	- Kiểm tra hình thể và tiếng nói: thí sinh tự chuẩn bị và trình bày một bài hát, một bài thơ hoặc một đoạn văn xuôi. - Kiểm tra năng khiếu diễn xuất: thí sinh tự biểu diễn và chuẩn bị một tình huống kịch không có nhân vật thứ 2, thời gian không quá 10 phút.	- Biểu diễn một tiểu phẩm sân khấu theo đề thi, không có người thứ hai. Thời gian không quá 10 phút. - Thể hiện các tình huống theo yêu cầu của Ban Giám khảo và trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi. <i>(hệ số 2)</i>	Lấy điểm học bạ lớp 12	

4	Quay phim 7210236	Không thi sơ tuyển	Xem phim và viết bài phân tích.	- Thực hành chụp ảnh tại chỗ. - Sau đó thi vấn đáp phân tích các ảnh đã chụp và các ảnh đã chụp theo đề thi. <i>(Thí sinh tự chuẩn bị máy ảnh kỹ thuật số và thẻ nhớ kèm theo) (hệ số 2)</i>	Lấy điểm học bạ lớp 12
---	----------------------	--------------------	---------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...
Theo quy chế tuyển sinh năm 2023

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Căn cứ Điều 3 - Thông tư 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/03/2015 v/v quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.
- Lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí dự thi sẽ thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT áp dụng cho kỳ thi tuyển sinh năm 2020 đối với các trường năng khiếu bao gồm: Lệ phí đăng ký dự thi (60.000), Lệ phí dự thi môn văn hoá chuyên ngành (35.000), Lệ phí thi sơ tuyển (120.000), Lệ phí thi chung tuyển và các môn năng khiếu (300.000), Lệ phí xét học bạ (30.000), chi tiết thu từng ngành như sau:

STT	Ngành	Lệ phí
01	7210227 – Đạo diễn Sân khấu	425.000^d
02	7210234 – Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình (*)	180.000^d
03	7210235 – Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	425.000^d
04	7210236 – Quay phim	425.000^d

(*) Ngành có thi sơ tuyển, thí sinh chỉ đóng 180.000^d; nếu thí sinh trúng tuyển vòng sơ tuyển đóng tiếp 300.000^d (bao gồm 300.000^d lệ phí thi chung tuyển, 30.000^d lệ phí xét học bạ)

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có), Đ/v tính: đồng

Nghị định 81/2021/NĐ-CP	NĂM HỌC		
	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
Hệ Đại học chính quy (1 tháng)	1.350.000	1.520.000	1.710.000
Hệ Đại học chính quy (1 năm học)	13.500.000	15.200.000	17.100.000

Dự kiến Năm học 2023-2024:

Hệ Đại học chính quy (1 tháng): 1.350.000 đồng

Hệ Đại học chính quy (1 năm): 13.500.000 đồng

- 1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm
 - Nhà trường tổ chức tuyển sinh 01 đợt, không tổ chức tuyển sinh bổ sung.
- 1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....
- 1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- 1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.
- 1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).
- 1.14. Tài chính
- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 23.292.599.579 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 21.961.500 đồng.

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học:

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khỏe để học tập và các quy định khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển

+ Phân tích tác phẩm nghệ thuật (hệ số 2)

+ Năng khiếu

+ Văn (lấy điểm học bạ lớp 12 cả năm)

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở/ đổi tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ngày QĐ mở/ đổi tên ngành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7210227	Đạo diễn sân khấu	821/QĐ-BGDĐT	18	27/02/2012	Bộ GDĐT	2012
2	7210235	Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	821/QĐ-BGDĐT	30	27/02/2012	Bộ GDĐT	2012

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM là một trường đào tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, các ngành đào tạo đòi hỏi phải có năng khiếu đặc thù nên không nhận đăng ký xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào bằng phương thức thi tuyển từ 22 điểm, đây là mức bao gồm cả nhân hệ số và điểm ưu tiên khu vực.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Trường thi tuyển sinh gồm các ngành sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp:
1	7210227	Đạo diễn sân khấu	Văn - Phân tích - Năng khiếu
2	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	Văn - Phân tích - Năng khiếu

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Thời gian, địa điểm, phương thức nhận hồ sơ:

+ Thời gian nhận hồ sơ: theo dấu bưu điện từ 08/08 đến 05/09/2023

+ Địa điểm và phương thức: tải mẫu hồ sơ trên website của trường, điền đầy đủ thông tin và xác nhận sau đó nộp trực tiếp hoặc gửi bưu điện hồ sơ đã xác nhận đến Ban thư ký tuyển sinh Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM - Số 125 Cống Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM.

- Thời gian dự kiến tuyển sinh: từ ngày 16/09 đến 18/09/2023 (lich tuyển sinh có thể được thay đổi căn cứ vào số lượng các thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành).

- Các điều kiện dự thi:

TT	Ngành	Môn Năng khiếu		
		Môn 1 PHÂN TÍCH	Môn 2 NĂNG KHIẾU	Môn 3 VĂN
1	Đạo diễn Sân khấu 7210227	Xem đĩa tác phẩm sân khấu và viết bài phân tích. (hệ số 2)	- Thí sinh trình bày 01 tiểu phẩm theo chủ đề, tình huống, đạo cụ do Ban Giám khảo quy định (thời gian không quá 10 phút/tiểu phẩm). Thí sinh có thể tham gia hoặc không tham gia diễn. - Trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi.	Lấy điểm học bạ lớp 12
2	Đạo diễn Điện ảnh, Truyền hình	Xem phim và viết bài phân tích. (hệ số 2)	- Xem và dựng ảnh liên hoàn theo một chủ đề dựa vào ảnh do Ban Giám khảo cung cấp.	Lấy điểm học bạ lớp 12

7210235		- Trả lời các câu hỏi liên quan đến bài thi.	
---------	--	----------------------------------------------	--

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Theo quy chế tuyển sinh năm 2023

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí tuyển sinh 925.000^d gồm:

- Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000^d/ hồ sơ
- Lệ phí dự thi môn văn hoá chuyên ngành: 35.000^d / hồ sơ
- Lệ phí xét học bạ: 30.000^d/ hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển: 800.000^d/ hồ sơ

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên vừa làm vừa học

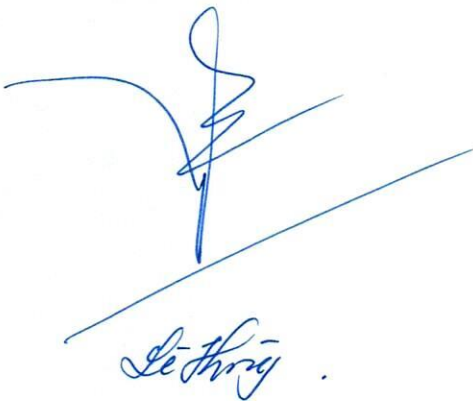
Học phí HK1 năm học 2023-2024:

Hệ Đại học VLVH các ngành: 10.125.000 đồng / 1HK / 1SV

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: tuyển sinh duy nhất 1 đợt

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)/.

CÁN BỘ KÊ KHAI


Lê Thị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SAN KHẦU - ĐIỆN ANH
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
LIÊN
TRƯỜNG

Tạ Quang Đông

